

Bản án số: 07/2026/KDTM-PT
Ngày 13-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vận chuyển hàng hóa (cát)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2025/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa (cát)”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 05/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2; địa chỉ trụ sở: Tổ B, đường N, ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (nay là tổ B, đường N, ấp A, xã A, tỉnh An Giang); địa chỉ liên hệ: Khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là khóm V, phường C, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc A, chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3; địa chỉ trụ sở: C8 L, đường Số A, khu T, phường L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Kỳ T, chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số C, đường N, khóm A, phường L, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2025) (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 05/4/2024, Công ty T2 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 (gọi tắt là Công ty T4) chi nhánh Đ (do ông Lê Văn P, chức vụ: Giám đốc, làm đại diện) thỏa thuận ký kết Hợp đồng vận chuyển cát số 04/2024/HĐTT (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T2 vận chuyển thuê cho Công ty T4 tổng cộng 91 chuyến (từ ngày 16/4/2024 đến ngày 09/10/2024), với số tiền là 6.242.795.000 đồng và phí neo đậu tàu là 484.743.000 đồng, tổng cộng là 6.727.538.000 đồng. Công ty T4 đã thanh toán nhiều lần cho Công ty T2 bằng hình thức chuyển khoản, với tổng số tiền là 5.250.091.999 đồng (trong đó: Từ ngày 19/4/2024 đến ngày 30/6/2024 thông qua số tài khoản của Công ty T4 là 351388688 mở tại Ngân hàng Q chuyển trả đến số tài khoản Công ty T2 mở tại Ngân hàng Q là 258686181818 với số tiền 3.910.132.000 đồng; từ ngày 26/7/2024 đến ngày 19/9/2024 thông qua số tài khoản của Công ty T4 là 5777999 mở tại Ngân hàng S chuyển trả đến số tài khoản Công ty T2 mở tại Ngân hàng Q là 258686181818 với số tiền 1.339.959.999 đồng; Công ty T2 đã hỗ trợ không tính phí neo đậu với Công ty T4 số tiền là 32.371.500 đồng), còn nợ lại số tiền 1.480.883.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu như sau:

- Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 35.808.499 đồng đối với Công ty T4 (do có sự tính toán sai nên theo đơn khởi kiện, Công ty T2 yêu cầu Công ty T4 thực hiện nghĩa vụ trả khoản công nợ cho Công ty T2 với số tiền là 1.480.883.000 đồng).

- Yêu cầu Công ty T4 thực hiện nghĩa vụ trả khoản công nợ chưa thanh toán cho Công ty T2 với số tiền là 1.445.074.501 đồng (theo Hợp đồng số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024 được xác lập giữa Công ty T2 với Công ty T4); không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là Công ty T4 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Theo chứng từ thanh toán và số tiền thanh toán trả sổ sách là vượt; không thể đối chiếu vì các chứng từ gốc đã thất lạc.

* Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 24/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 91, 92, 144, 147, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 530, 533 và Điều 536 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 85 và Điều 87 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 về yêu cầu bị đơn Công ty T4 trả số tiền 35.808.499 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2. Buộc Công ty T4 có trách nhiệm trả cho Công ty T2 số tiền vận chuyển cát còn nợ 1.445.074.501 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 08/10/2025, bị đơn là Công ty T4 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thành T1 trình bày: Công ty T4 - chi nhánh Đ do ông Lê Văn P, chức vụ: Giám đốc, làm đại diện hiện đã nghỉ và không bàn giao sổ sách nên Công ty T4 không nắm được việc thu chi khi giao kết hợp đồng thuê vận chuyển cát với Công ty T2. Nay Công ty T4 thiện chí để chấm dứt vụ kiện và chia sẻ khó khăn, đồng ý trả cho Công ty T2 số tiền 800.000.000 đồng. Về án phí sơ thẩm đồng ý chịu theo quy định pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc A trình bày: Trong quá trình thực hiện hợp đồng do ông P thực hiện, việc ghi nhận số lượng thực tế ở bến C chỉ thông qua điện thoại từ nhân viên Công ty H, đây là sai sót của Công ty T2. Vụ kiện đã kéo dài, nay Công ty T2 đồng ý chỉ yêu cầu Công ty T4 trả số tiền vận chuyển cát còn nợ lại theo Hợp đồng số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024 là 800.000.000 đồng. Về án phí sơ thẩm, yêu cầu Công ty T4 chịu theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty T4 được nộp trong thời hạn luật định, đúng quy định pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân

dân khu vực 9 - An Giang, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty T4 có trách nhiệm trả cho Công ty T2 số tiền 800.000.000 đồng. Án phí sơ thẩm và phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty T4 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty T4, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hợp đồng vận chuyển cát số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024 được xác lập giữa Công ty T2 với Công ty T4 – chi nhánh Đ trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, được lập thành văn bản, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội; phù hợp với quy định tại Điều 530, Điều 531, Điều 533 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 534, Điều 535, Điều 536, Điều 537 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Công ty T2, quá trình thực hiện Hợp đồng số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024, đã vận chuyển cho Công ty T4 chuyển (từ ngày 16/4/2024 đến ngày 09/10/2024), với số tiền là 6.242.795.000 đồng và phí neo đậu tàu là 484.743.000 đồng, tổng cộng là 6.727.538.000 đồng; nhưng Công ty T4 đã thanh toán nhiều lần cho Công ty T2 bằng hình thức chuyển khoản, với tổng số tiền là 5.250.091.999 đồng; còn nợ lại số tiền vận chuyển cát là 1.445.074.501 đồng nên yêu cầu Công ty T4 thanh toán.

Công ty T4 kháng cáo cho rằng không thống nhất số tiền nợ Công ty T2 trình bày, yêu cầu Công ty T2 cung cấp chứng cứ chứng minh việc xác định khối lượng vận chuyển khi đến bến C như Hợp đồng số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024 đã ký kết để đối chiếu.

Nay tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T4 đồng ý trả Công ty T2 số tiền vận chuyển cát còn nợ với số tiền 800.000.000 đồng và được phía Công ty T2 đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Công ty T4 phải có trách nhiệm trả cho Công ty T2 tiền vận chuyển cát còn nợ lại của Hợp đồng số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024 đã ký kết là 800.000.000 đồng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Công ty T2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty T4 phải chịu 36.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Công ty T4 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền vận chuyển cát còn nợ là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) của Hợp đồng vận chuyển cát số 04/2024/HĐTT ngày 05/4/2024 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 – chi nhánh Đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.213.000đ (hai mươi tám triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002094 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - An Giang).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải chịu 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ (hai triệu đồng), được trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009246 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 9 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 9 - An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa dân sự,
Phòng GD,KT,TT&THA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu